

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Mô tả tóm tắt về dự án

1. Tên dự án: Hạng mục: Xây dựng hoàn trả tuyến đường QL.19B (đoạn từ Km40+430 đến Km42+475) và đường địa phương, thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát.

2. Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp II.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

5. Chủ đầu tư: Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai.

6. Địa điểm xây dựng: Phường An Nhơn, phường An Nhơn Bắc và xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai.

7. Quy mô, các giải pháp thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật

7.1. Quy mô, giải pháp thiết kế

Đầu tư xây dựng gồm 02 tuyến đường, gồm: hoàn trả tuyến đường Quốc lộ 19B (đoạn từ Km40+430 đến Km42+475) và đường địa phương, cụ thể:

7.1.1. Xây dựng hoàn trả tuyến đường QL.19B.

Tuyến đường được thiết kế với quy mô đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), vận tốc thiết kế 80 km/h, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$. Điểm đầu tại lý trình Km40+430, điểm cuối tại lý trình Km42+475 trên tuyến Quốc lộ 19B, chiều dài tuyến 1,943Km với quy mô cụ thể như sau:

7.1.1.1. Nền mặt, đường.

a. Nền đường rộng $B_n=12\text{m}$, sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

b. Mặt đường rộng 11m, kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau:

- Kết cấu mặt đường làm mới (nền đắp): Bê tông nhựa C16 dày 5cm; Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²; Bê tông nhựa C19 dày 7cm; Nhựa thấm bảm 0,8Kg/m²; Cấp phối đá dăm loại I $D_{max} = 25\text{mm}$ gia cố 5% xi măng dày 12 cm; Cấp phối đá dăm loại I $D_{max} = 37,5\text{mm}$ dày 30 cm; Lớp đất nền đường dày 50 cm lu lèn đạt độ chặt K98.

- Kết cấu áo đường làm mới (nền đào): Bê tông nhựa C16 dày 5cm; Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²; Bê tông nhựa C19 dày 7cm; Nhựa thấm bảm 0,8Kg/m²; Cấp

phối đá dăm loại I Dmax = 25mm gia cố 5% xi măng dày 12 cm; Cấp phối đá dăm loại I Dmax = 37,5mm dày 30 cm; Lớp đất nền đường dày 30 cm lu lèn đạt độ chặt K98; Lu tăng cường nền đường đạt K95 dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường cấp lề mở rộng (đoạn Km40+430 - Km40+613.05, Km41+900 - Km42+475): Bê tông nhựa C16 dày 5cm; Nhũ tương dính bám 0,5Kg/m²; Bê tông nhựa C19 dày 7cm; Nhựa thấm bám 0,8Kg/m²; Bê tông xi măng M300, dày 22cm trên lớp giấy dầu; Lớp đất nền đường dày 50 cm lu lèn đạt độ chặt K98.

- Kết cấu tăng cường trên mặt đường hiện trạng bê tông nhựa: Bê tông nhựa C16 dày 5cm; Nhũ tương dính bám 0,5Kg/m²; Bù vênh BTN C16 (H < 5cm) hoặc đá dăm đen (H ≥ 5cm); Nhũ tương dính bám 0,5Kg/m².

c. Lề đường rộng mỗi bên rộng 0,5m bằng đất cấp phối đồi cấp 3 lu lèn đạt độ chặt K≥0,95.

7.1.1.2. Công trình thoát nước:

- Đối với các đoạn tuyến đi qua nền đào đất bố trí xây dựng rãnh dọc rãnh hình thang bằng tấm BTXM lắp ghép kích thước (0,4x0,4)m M200 dày 6cm bố trí so le nhau.

- Đoạn qua khu dân cư và các nút giao xây dựng rãnh dọc bằng rãnh hình chữ nhật bê tông cốt thép M200, bề rộng rãnh B = 0,4m có đan đáy bằng BTCT M250, để thu nước mặt đường.

Trên tuyến xây dựng 04 công thoát nước ngang đường gồm: 02 công thuộc tuyến chính công D1500 tại Km41+125.88 và công D1000 tại Km41+812.08; trên đường dân sinh xây dựng nối dài 01 công tròn hiện trạng D800 tại nút giao dân sinh số 1 và xây dựng mới 01 công tròn D800 tại nút giao dân sinh số 2.

7.1.1.3. Nút giao, đường giao: Tại các vị trí tuyến giao với đường nhánh, lối vào... được thiết kế vuốt nối êm thuận về các nhánh giao. Kết cấu vuốt nối đường giao tùy vào kết cấu hiện trạng lựa chọn kết cấu vuốt nối cho phù hợp.

7.1.1.4. An toàn và tổ chức giao thông: Tận dụng và bố trí hoàn thiện hệ thống đảm bảo an toàn giao thông hoàn chỉnh theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

7.1.2. Xây dựng hoàn trả đường địa phương.

Tuyến đường được thiết kế với quy mô đường cấp V đồng bằng (TCVN 4054-2005), vận tốc thiết kế 40 km/h, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Chiều dài tuyến 0,602Km với quy mô cụ thể như sau:

7.1.2.1. Nền mặt, đường.

a. Nền đường rộng B_n=7,5m, sau khi hoàn thiện đạt độ chặt K≥0,95.

b. Mặt đường rộng 5,5m, kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Bê tông xi măng M300 dày 22cm; Lớp giấy dầu tạo phẳng; Cấp phối đá dăm loại I Dmax = 25mm dày 18 cm; Nền đường $K \geq 0,95$.

c. Lê đường rộng mỗi bên rộng 1,0m bằng đất cấp 3 lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

7.1.2.2. Công trình thoát nước:

- Xây dựng rãnh dọc hình chữ nhật bê tông cốt thép M200, bề rộng rãnh B = 0,4m có đan đáy bằng BTCT M250.

- Bố trí 03 cống thoát nước địa hình từ phải sang trái bằng cống hộp 0,75x0,75m tại các lý trình Km0+39,76, Km0+389,26, Km0+526,07.

7.1.2.3. Nút giao, đường giao: Tại các vị trí tuyến giao với đường nhánh, lối vào... được thiết kế vuốt nối êm thuận về các nhánh giao. Kết cấu vuốt nối đường giao giống kết cấu tuyến chính.

7.1.2.4. An toàn và tổ chức giao thông: Tận dụng và bố trí hoàn thiện hệ thống đảm bảo an toàn giao thông hoàn chỉnh theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

7.2. Chỉ dẫn kỹ thuật: Chi tiết theo tập chỉ dẫn kỹ thuật.

8. Mô tả khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng đấu thầu quốc gia.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Theo thời gian xây dựng (06 tháng).

3. Mô tả mục đích tuyển chọn Tư vấn:

Tuyển chọn nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế - kỹ thuật và tiến độ.

II. Phạm vi công việc của Tư vấn:

1. Thực hiện công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng. Công tác Tư vấn giám sát thi công phải tuân thủ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về

quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Nhiệm vụ, nội dung thực hiện công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn giám sát theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (bao gồm cả nghĩa vụ giám sát trong giai đoạn bảo hành)

3. Giám sát trong giai đoạn bảo hành công trình:

+ Sau khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành, Tư vấn giám sát phải có trách nhiệm tham gia kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, xác định nguyên nhân, đề xuất biện pháp sửa chữa thay thế, rà soát và báo cáo Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án xem xét, chấp thuận về nguyên nhân hư hỏng, giải pháp khắc phục sửa chữa thay thế.

+ Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục sửa chữa của Nhà thầu thi công xây dựng và Nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.

+ Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho Nhà thầu thi công xây dựng và Nhà thầu cung ứng thiết bị công trình.

4. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Kể từ khi hợp đồng được ký.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Lập báo cáo định kỳ (theo tuần, tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh. Các nội dung cần báo cáo: Tình hình thực hiện dự án; tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn); các đề xuất, kiến nghị.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu phải có năng lực, kinh nghiệm và nhân sự đáp ứng yêu cầu tại “Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT”.

- Quy định về nhân sự:

+ Trong vòng 03 năm gần đây: Chưa từng vi phạm các quy định liên quan công tác lựa chọn nhà thầu dẫn đến việc bị cơ quan chức năng nhà nước áp dụng hình thức cảnh cáo trở lên; (ii) chưa từng bị cơ quan quản lý áp dụng hình thức kỷ luật, đình chỉ hành nghề; (iii) chưa có lịch sử cung cấp dịch vụ tư vấn với chất lượng kém hoặc không hoàn thành hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại Chủ đầu tư;

+ Đối với nhân sự không thuộc quản lý của Nhà thầu mà đi thuê, yêu cầu có văn bản chấp thuận và cam kết từ Đơn vị chủ quản của nhân sự về việc để nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ tư vấn đầy đủ thời gian (toàn thời gian) huy động khi Nhà thầu trúng thầu.

V. Các bản vẽ

Xem E-HSMT “**Tập: Thuyết minh, khối lượng và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công**” đính kèm theo.

Ghi chú: File hồ sơ thiết được đính kèm tại:

<https://drive.google.com/file/d/10HViZ8U7o-CTnY-EZWtBg2yJPtUyOPtS/view?usp=sharing>

VI. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Cung cấp các tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.